TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 31/7/2019.
"V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **LÊ VĂN ĐẸP**

- *Các Hội thẩm nhân dân* 1/ **Ông DANH ON**

2/ **Bà NGUYỄN THỊ HIẾU**

- Thư ký phiên tòa: **Bà THÁI KIM PHƯƠNG** - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: **Ông DƯƠNG MINH KHA** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 91/2019/TLST–HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST–HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Hồng C,** sinh năm 1979

Địa chỉ: Tổ 4, Khu vực B, phường L, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hữu Đ,** sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị C vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Đ vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2019 và tại biên bản lấy lời khai ngày 01/4/2019 nguyên đơn chị Lê Thị Hồng C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh Nguyễn Hữu Đ có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ vào ngày 02/7/2004. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh chị Chung sống với nhau hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẩn, vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Đ không hề quan tâm, lo lắng cho gia đình và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2005 đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về quan hệ con chung: Chị C xác định trong quá trình chung sống, giữa Chị C và anh Đ có 01 người con chung là cháu Nguyễn Tấn Đạt, sinh ngày 16/02/2004. Hiện tại cháu Đạt đang sống chung với Chị C. Chị C yêu cầu được nuôi cháu Đạt và chị không yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Đạt.

Về tài sản chung: Chị C xác định giữa Chị C và anh Nguyễn Hữu Đ không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Hữu Đ: Tòa án có tiến hành giao thông báo thụ lý và tiến hành lấy lời khai đối đối với anh Nguyễn Hữu Đ nhưng anh Đ không có mặt ở địa phương nên không thể tiến hành giao thông báo thụ lý và không thể tiến hành lấy lời khai đối với anh Đ. Bên cạnh đó, Tòa án có tiến hành niêm yết các thủ tục theo qui định pháp luật do anh Đ không có mặt ở địa phương. Chính quyền địa phươg cũng xác định, anh Đ vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp N, xã N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu và hiện tại không có ở địa phương nhưng lâu lâu anh Đ có về địa phương một lần.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng C được ly hôn anh Nguyễn Hữu Đ;

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Tấn Đạt, sinh ngày 16/02/2004 cho Chị C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị C không yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Đạt nên không đặt ra xem xét giải quyết;

3. Về quan hệ tài sản: Chị Lê Thị Hồng C không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Lê Thị Hồng C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về "Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con" là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Hữu Đ có nơi đăng ký thường trú tại ấp Ninh Phước, xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn chị Lê Thị Hồng C tuy rằng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với Chị C. Bị đơn anh Nguyễn Hữu Đ vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Hữu Đ.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh Đ có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ vào ngày 02/7/2004 nên quan hệ hôn nhân giữa Chị C và anh Đ là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống đến nay, Chị C xác định chị và anh Đ có phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, Chị C không thể hàn gắn với anh Đ được nữa. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2005 nay. Nay Chị C nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành xác minh đối

với ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Hồng Đ. Theo đó, ông P, bà Đ xác định giữa Chị C và anh Đ có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng lúc sống chung thường xuyên cự cải và hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2005 nay. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Lê Thị Hồng C được ly hôn anh Nguyễn Hữu Đ.

[5] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống Chị C xác định giữa chị và anh Nguyễn Hữu Đ có 01 người con chung là cháu Nguyễn Tấn Đạt, sinh ngày 16/02/2004. Hiện tại cháu Đạt đang sống chung với Chị C. Chị C yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Đạt hiện đang sống ổn định với Chị C, bên cạnh đó, cháu Đạt có nguyện vọng được theo sống chung với Chị C. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Nguyễn Tấn Đạt, sinh ngày 16/02/2004 cho Chị C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị C không yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Đạt nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về quan hệ tài sản: Chị Lê Thị Hồng C xác định giữa chị và anh Nguyễn Hữu Đ không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Lê Thị Hồng C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Hồng C.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng C được ly hôn anh Nguyễn Hữu Đ.

2/ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Tấn Đạt, sinh ngày 16/02/2004 cho chị Lê Thị Hồng C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh

Nguyễn Hữu Đ không phải cấp dưỡng nuôi cháu Đạt nhưng anh được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Chị Lê Thị Hồng C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Hồng C phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng Chị C đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0002511 ngày 01/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

LÊ VĂN ĐẸP